

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM HK1 NĂM HỌC 2023-2024**BÀI 1 – THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN****Câu 1:** Thông tin là:

- A. Các văn bản và số liệu. B. Văn bản, hình ảnh, âm thanh.
C. Hình ảnh, âm thanh. D. Hiểu biết của con người.

Câu 2: Trong Tin học, dữ liệu là:

- A. Những hiểu biết của con người. B. Đơn vị đo dữ liệu.
C. Đơn vị đo thông tin. D. Thông tin đưa vào máy tính.

Câu 3: Chọn đáp án **ĐÚNG**: “Trong Tin học dữ liệu được thể hiện dưới dạng ... mà con người có thể hiểu được.”

- A. Những hiểu biết của con người.
B. Hiểu biết của con người về một thực thể, sự vật, khái niệm, hiện tượng nào đó.
C. Đơn vị đo thông tin.
D. Văn bản, hình ảnh, âm thanh.

Câu 4: Trong những điều sau đây nói về Kilobyte (KB), điều nào **ĐÚNG**?

- A. Đơn vị đo lượng tin bằng 1000 byte.
B. Đơn vị đo lượng tin lớn hơn 1000 byte.
C. Đơn vị đo dung lượng bộ nhớ tính theo 1000 kí tự.
D. Đơn vị đo tốc độ của máy tính.

Câu 5: Thiết bị số là:

- A. Thiết bị có thể thực hiện được các phép tính số học. B. Thiết bị có thể xử lý thông tin.
C. Máy tính điện tử. D. Thiết bị lưu trữ, truyền và xử lý dữ liệu số.

Câu 6: Thiết bị nào dưới đây là **thiết bị số**?

- A. Đồng hồ. B. Robot quét nhà. C. Điện thoại bàn. D. Máy tính cầm tay.

Câu 7: Chọn phương án **ĐÚNG** nhất khi nói về ưu điểm của các thiết bị số?

- A. Giúp xử lý thông tin rất nhanh với độ chính xác cao và có thể làm việc liên tục.
B. Có khả năng lưu trữ dữ liệu với dung lượng nhỏ, giá thành rẻ, tìm kiếm nhanh chóng.
C. Có khả năng truyền tin với tốc độ chậm và thực hiện tự động nhiều công việc một cách chính xác, chi phí thấp
D. Không có khả năng kết nối với các thiết bị số khác.

Câu 8: 16384 bit bằng:

- A. 2 KB B. 16 B C. 16 KB D. 2 B

Câu 9: 40 MB bằng:

- A. 4 KB B. 40000 KB C. 40690 GB D. 40960 KB

Câu 10: 77824 MB bằng:

- A. 67 bit B. 67 GB C. 76 GB D. 76 KB

Câu 11: Một thẻ nhớ 16 GB có thể chứa được khoảng bao nhiêu ảnh tính theo độ lớn trung bình của các ảnh cho trong hình bên dưới:

Name	Date	Type	Size
 DSC0005	4/6/2022 6:51 AM	JPG File	10 144 KB
 DSC00113	4/6/2022 7:04 AM	JPG File	9 888 KB
 DSC00112	4/6/2022 7:11 AM	JPG File	10 016 KB
 DSC00124	4/6/2022 7:15 AM	JPG File	9 440 KB

- A. Khoảng 1000 ảnh B. Khoảng 1700 ảnh C. Khoảng 1708 ảnh D. Khoảng 1200 ảnh

Câu 12: Giả sử để số hóa một cuốn sách kể cả văn bản và hình ảnh cần khối lượng dữ liệu khoảng 50MB. Thư viện của một trường có khoảng 2000 cuốn sách. Nếu số hóa thì cần khoảng bao nhiêu GB tối ưu để lưu trữ?

- A. 98GB B. 50GB C. 200GB D. 1024GB

BÀI 2 – VAI TRÒ CỦA THIẾT BỊ THÔNG MINH VÀ TIN HỌC ĐỐI VỚI XH**Câu 13:** Autonomous được hiểu theo nghĩa:

- A. Khả năng hoạt động không cần sự can thiệp của con người.
B. Khả năng thích ứng với hoàn cảnh làm việc.
C. Kết nối với thiết bị thông minh khác.
D. Khả năng tự chủ, tự động, thông minh, tự phối hợp, tự đáp ứng.

Câu 14: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 xảy ra vào?

- A. Cuối thế kỷ 17 đến đầu TK 19 B. Cuối thế kỷ 19 đến đầu TK 20
C. Cuối thế kỷ 20 đến đầu TK 21 D. Đầu thế kỷ 21

Câu 15: Đặc trưng của cuộc cách mạng lần thứ tư là:

- A. Chuyển từ lao động thủ công sang cơ giới với dấu ấn là động cơ hơi nước.
- B. Hệ thống IoT và các hệ thống kết hợp thực - ảo trở nên phổ biến.
- C. Công nghiệp phát triển, điện năng được dùng phổ biến, sản xuất dây chuyền tập trung.
- D. Máy tính hỗ trợ con người trong các hoạt động trí tuệ. Tin học làm thay đổi cuộc sống.

Câu 16: Ngày nay để tạo ra những sản phẩm trí tuệ nhân tạo thì người lập trình dùng ngôn ngữ nào?

- A. Ngôn ngữ máy
- B. Ngôn ngữ Tiếng Việt
- C. Ngôn ngữ lập trình bậc cao
- D. Ngôn ngữ hợp ngữ

Câu 17: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào:

- A. Khám bệnh, nhận dạng người khuôn mặt, nhận dạng giọng nói.
- B. Phóng vệ tinh.
- C. Dạy học trực tuyến.
- D. Trong các ứng dụng văn phòng.

Câu 18: Đầu **KHÔNG** phải là một thiết bị thông minh?

- A. Máy tính cầm tay.
- B. Camera kết nối internet.
- C. Robot quét nhà.
- D. Máy tính xách tay.

Câu 19: Đầu là thiết bị thông minh?

- A. Máy tính bảng.
- B. Cân điện tử.
- C. Máy tính cầm tay.
- D. Máy hút bụi.

Câu 20: Lợi ích của hệ thống giao thông thông minh là gì?

- A. Giảm sự cố ùn tắc giao thông, tránh tai nạn, giảm ô nhiễm môi trường
- B. Nhận dạng biển số xe
- C. Phát hiện những hành vi vi phạm.
- D. Lưu trữ thông tin.

Câu 21: Phần mềm dự báo thời tiết là đóng góp trong lĩnh vực nào?

- A. Quản lí.
- B. Giải quyết các bài toán khoa học kĩ thuật.
- C. Tự động hóa.
- D. Giao tiếp cộng đồng.

Câu 22: Robot có thể làm việc ở những môi trường nguy hiểm là đóng góp của tin học trên lĩnh vực:

- A. Quản lí.
- B. Giải quyết các bài toán khoa học kĩ thuật.
- C. Tự động hóa.
- D. Giao tiếp cộng đồng.

BÀI 7: THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ THÔNG DỤNG

Câu 23: Em hãy cho biết đầu được coi là trợ thủ số cá nhân (PDA)?

- A. Máy tính cầm tay.
- B. Robot quét bụi.
- C. Camera kết nối internet.
- D. Máy tính bảng.

Câu 24: Em hãy cho biết đầu được coi là trợ thủ số cá nhân (PDA)?

- A. Máy tính cầm tay.
- B. Robot quét bụi.
- C. Máy chụp ảnh
- D. Smartphone

Câu 25: Trợ thủ số cá nhân có các khả năng nào trong nhóm chức năng sau?

- A. Báo thức, sổ ghi nhớ, chụp ảnh, tìm đường, điều khiển thiết bị từ xa...
- B. Báo thức, sổ ghi nhớ, chụp ảnh, chạy bộ, điều khiển thiết bị từ xa...
- C. Báo thức, tập thể dục, chụp ảnh, tìm đường, điều khiển thiết bị từ xa...
- D. Báo thức, giấy ghi nhớ, chụp ảnh, tìm đường, điều khiển thiết bị từ xa...

Câu 26: Kết nối nào sau đây **KHÔNG** phải là kết nối phổ biến trên các PDA hiện nay?

- A. Wifi.
- B. Bluetooth.
- C. Hồng ngoại.
- D. USB.

Câu 27: Hiện nay các trợ thủ số cá nhân thường chạy trên nền tảng Hệ điều hành nào?

- A. Windows xp, Windows 7.
- B. Linux.
- C. DOS.
- D. IOS, Android.

Câu 28: Hệ điều hành di động Android của hãng nào?

- A. Microsoft.
- B. Google.
- C. Apple.
- D. Samsung.

Câu 29: Hệ điều hành Android thứ ban đầu được viết ra dành cho nền tảng thiết bị nào?

- A. Smartphones
- B. Camera kĩ thuật số
- C. Máy tính cá nhân
- D. Đồng hồ thông minh

Câu 30: Các dịch vụ lưu trữ đám mây là:

- A. Google Drive, Dropbox, iCloud.
- B. Mega, iCloud, Iphone, Microsoft office.
- C. Mediafire, Google Drive, One Note.
- D. Mega, Google Drive, Microsoft Office.

Bài 8: MẠNG MÁY TÍNH TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI

Câu 31: Phát biểu nào **ĐÚNG**?

- A. IoT là mạng kết nối các thiết bị thông minh thông qua Internet nhằm thu thập dữ liệu trên phạm vi toàn cầu.
- B. IoT là mạng của các thiết bị thông minh nhằm thu thập và xử lý dữ liệu tự động.
- C. IoT là mạng của các thiết bị tiếp nhận tín hiệu.
- D. IoT là mạng kết nối của các máy tính, nhằm trao đổi dữ liệu với nhau.

Câu 32: Mạng máy tính chia làm những loại nào?

- A. LAN, WAN
- B. LAN, MAN
- C. WAN, MAN
- D. LAN, TAN

Câu 33: Cách kết nối của Internet:

- A. Kết nối bằng sóng điện từ
- B. Kết nối bằng Hub
- C. Kết nối bằng Switch
- D. Kết nối bằng Router

Câu 34: Cách kết nối của mạng LAN:

- A. Trực tiếp qua sóng điện từ
- B. Gián tiếp trong mạng qua thiết bị kết nối như Hub, Switch, Wifi
- C. Gián tiếp qua sóng điện từ
- D. Trực tiếp trong mạng qua thiết bị kết nối như Hub, Switch, Wifi

Câu 35: Đâu không phải là dịch vụ của điện toán đám mây?

- A. Google Docs B. Dropbox C. Combobox D. iCloud

Câu 36: Mỗi Tài khoản Google dùng chung trên toàn Gmail, Google Drive và Google Photos đều có **bao nhiêu** dung lượng lưu trữ miễn phí?

- A. 5 GB B. 10 GB C. 15 GB D. 100 GB

Câu 37: Điện toán đám mây **KHÔNG** thể cung cấp những dịch vụ nào trong các dịch vụ sau đây?

- A. Dịch vụ ứng dụng dữ liệu. B. Dịch vụ thư tín điện tử.
C. Dịch vụ bảo trì phần cứng và phần mềm tại gia đình. D. Dịch vụ cung cấp các ứng dụng văn phòng.

Câu 38: Phát biểu nào dưới đây là **ĐÚNG**?

- A. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối trực tiếp với nhau qua cáp truyền tín hiệu.
B. Mạng LAN là mạng kết nối các máy tính trong một quy mô địa lý nhỏ.
C. Các máy tính trong mạng LAN cần được đặt trong một phòng.
D. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối qua cùng một bộ thu phát wifi.

Câu 39: Bạn Bình có rất nhiều ảnh cần lưu nhưng ổ đĩa cứng sắp hết chỗ. Thay vì mua thêm một ổ đĩa cứng lớn, Bình đã đăng kí dịch vụ lưu trữ trên Internet như Google Drive, Dropbox, fShare. Khi cần, Bình chỉ cần kết nối Internet, đăng nhập và sử dụng giống như một ổ đĩa trên máy tính cá nhân. Nếu dùng ít thì không phải trả tiền, dùng nhiều tới một mức nào đó thì phải trả theo mức sử dụng. Theo em thì bạn Bình đã thuê bao dịch vụ cung cấp loại tài nguyên nào?

- A. Phần cứng. B. Phần mềm. C. Dữ liệu. D. IoT

Câu 40: Công việc của cô An phải làm tài liệu rất nhiều và phải di chuyển thường xuyên. Thay vì mua phần mềm soạn thảo Word cài đặt trên máy tính ở nhà, cô đăng kí sử dụng phần mềm Google Docs chạy trên máy chủ của Google. Cô có thể soạn thảo bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, dùng bất cứ máy tính nào miễn là có kết nối đến máy chủ Google Docs qua Internet. Văn bản cũng được lưu trữ trên máy chủ của Google. Theo em thì cô An đã thuê bao dịch vụ cung cấp loại tài nguyên nào?

- A. Phần cứng. B. Phần mềm. C. Dữ liệu. D. IoT

Bài 9: AN TOÀN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Câu 41: Điều nào sau đây **SAI** khi nói về trojan?

- A. Trojan nhằm mục đích chiếm đoạt quyền và chiếm đoạt thông tin.
B. Trojan cần đến cơ chế lây lan khi muốn khống chế một số lượng lớn các máy tính.
C. Trojan là virus.
D. Rootkit là một loại hình trojan.

Câu 42: Điều nào sau đây là **KHÔNG ĐÚNG** khi nói về cơ chế phát tán của worm?

- A. Tận dụng lỗ hổng bảo mật của hệ điều hành.
B. Lừa người sử dụng tải phần mềm.
C. Gắn mình vào một tệp khác để khi tệp đó được sử dụng thì phát tán.
D. Chủ động phát tán qua thư điện tử và tin nhắn, lợi dụng sự bất cẩn của người dùng.

Câu 43: Điều nào sau đây **SAI** khi nói về các đặc điểm của virus?

- A. Virus là các chương trình gây nhiễu hoặc phá hoại. B. Virus có khả năng tự nhân bản để lây lan.
C. Virus không phải là một chương trình hoàn chỉnh. D. Virus chỉ hoạt động trên hệ điều hành Windows.

Câu 44: Việc nào dưới đây **KHÔNG** bị phê phán?

- A. Phát tán các hình ảnh đồi trụy lên mạng B. Cố ý làm nhiễm virus vào máy tính của trường
C. Sao chép phần mềm không có bản quyền D. Tự thay đổi mật khẩu cho máy tính cá nhân của mình.

Câu 45: Một số bạn bè em thân tượng một số diễn viên mới nổi tiếng trên mạng xã hội. Được bạn bè rủ vào xem những đoạn phim trên kênh Youtube của ngôi sao này, em thấy diễn viên ăn mặc không lịch sự, nội dung phim dung tục, thiếu văn hóa. Một số bạn cho rằng ngôi sao này có hàng chục vạn người trẻ tuổi hâm mộ, phim của anh ta mang phong cách mới nên không phù hợp với những người cổ hủ, lạc hậu. Thái độ và hành động nào sau đây là phù hợp nhất?

- A. Không xem kênh Youtube của anh ta nữa, đồng thời khuyên các bạn không nên xem.
B. Hòa theo các bạn để khỏi mang tiếng lạc hậu
C. Không xem kênh Youtube của anh ta nữa, còn các bạn làm gì thì tùy
D. Không hâm mộ nhưng cũng không phản đối, cứ tiếp tục theo dõi những video khác của ngôi sao này xem ra sao.

Câu 46: Những thao tác nào sau đây giúp phòng tránh phần mềm độc hại?

- A. Tải về cài đặt những phần mềm lạ, có nguồn gốc không rõ ràng, dùng thử xong thì xóa đi.
B. Mở xem những email có nội dung hấp dẫn như: “Bạn đã may mắn trúng thưởng”.
C. Trong điều kiện máy tính đã cài đặt phần mềm diệt virus, có thể yên tâm truy cập vào đường link và trang web lạ để tìm hiểu khám phá.
D. Cài đặt và sử dụng phần mềm diệt virus.

BÀI 10: THỰC HÀNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TRÊN INTERNET**Câu 47:** Website là gì?

- A. Là một ngôn ngữ siêu văn bản.
- B. Là hình thức trao đổi thông tin dưới dạng thư thông qua hệ thống mạng máy tính.
- C. Là các file được tạo ra bởi Word, Excel, PowerPoint ... rồi chuyển sang html.
- D. Là các file hình ảnh.

Câu 48: Trang web hiển thị đầu tiên khi ta truy cập vào website gọi là gì?

- A. Một trang liên kết
- B. Một website
- C. Trang chủ
- D. Trang web google.com

Câu 49: Phần mềm nào sau đây không phải trình duyệt WEB?

- A. Microsoft Edge
- B. Mozilla Firefox
- C. Netcape
- D. Unikey

Câu 50: Tên miền trong địa chỉ Website có **.edu** cho biết Website đó thuộc về?

- A. Lĩnh vực chính phủ
- B. Lĩnh vực giáo dục
- C. Lĩnh vực cung cấp thông tin
- D. Thuộc về các tổ chức khác

Câu 51: Tên miền trong địa chỉ Website có **.gov** cho biết Website đó thuộc về?

- A. Lĩnh vực chính phủ
- B. Lĩnh vực giáo dục
- C. Lĩnh vực cung cấp thông tin
- D. Thuộc về các tổ chức khác

Câu 52: DNS có nghĩa là gì?

- A. Dịch vụ tên miền
- B. Dịch vụ phân giải tên miền
- C. Dịch vụ máy chủ
- D. Dịch vụ phân giải máy chủ

Câu 53: Chức năng Bookmark của trình duyệt web dùng để:

- A. Lưu trang web về máy tính
- B. Đánh dấu trang web trên trình duyệt
- C. Đặt làm trang chủ
- D. Lưu trang yêu thích

Câu 54: Khi tham gia môi trường mạng internet, người sử dụng cần tránh điều nào?

- A. Virus
- B. Thư rác
- C. Tiết lộ thông tin cá nhân
- D. Phần mềm lậu

BÀI 11: ỨNG XỬ TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ. NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG BẢN QUYỀN**Câu 55:** Bản quyền của phần mềm không thuộc về đối tượng nào?

- A. Người lập trình
- B. Người đầu tư
- C. Người mua quyền sử dụng
- D. Người mua quyền tài sản

Câu 56: Nếu đăng trên mạng xã hội nhận xét có tính xúc phạm đến một người khác thì hành vi này là:

- A. Vi phạm pháp luật.
- B. Vi phạm đạo đức.
- C. Tùy theo mức độ, có thể vi phạm đạo đức hay pháp luật.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 57: Nếu đăng trên mạng xã hội video quay hình ảnh về người khác mà chưa xin phép thì hành vi này là:

- A. Vi phạm pháp luật.
- B. Vi phạm đạo đức.
- C. Tùy theo mức độ, có thể vi phạm đạo đức hay pháp luật.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 58: Hành vi nào vi phạm pháp lý đối với người dùng trên mạng:

- A. Chia sẻ hình ảnh về bảo vệ môi trường.
- B. Xâm phạm thông tin cá nhân hoặc tập thể nào đó.
- C. Hướng dẫn cách phòng chống các phần mềm độc hại trên máy tính.
- D. Đăng bài hướng dẫn vẽ "hoa sen" bằng màu nước.

Câu 59: Để phát triển môi trường số cần có:

- A. Một xã hội có tổ chức trên cơ sở pháp lý chặt chẽ và một đội ngũ lao động có trí tuệ
- B. Một đội ngũ lao động có trí tuệ
- C. Một xã hội có tổ chức trên cơ sở pháp lý chặt chẽ
- D. Một đội ngũ lao động phổ thông

Câu 60: Có một truyện ngắn, tác giả để trên website để mọi người có thể đọc. Hành vi nào sau đây là vi phạm bản quyền?

- A. Tải về máy tính của mình để đọc.
- B. Tải về và đăng lại trên trang Facebook của mình cho các bạn bè cùng đọc.
- C. Đăng tải đường link trên trang Facebook của mình cho mọi người cùng đọc.
- D. Tải về điện thoại của mình để đọc.

BÀI 12: PHẦN MỀM THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**Câu 61:** Một bản thiết kế đồ họa vector:

- A. Bị giới hạn bởi dung lượng tệp.
- B. Có thể thêm các thành phần mới một cách dễ dàng.
- C. Được sử dụng bởi các thợ chụp ảnh.
- D. Chỉ mở được bằng Photoshop.

Câu 62: Đối tượng nào trong các thành phần dưới đây có sẵn trong Inkscape?

- A. Âm thanh
- B. Video
- C. Văn bản.
- D. Video, âm thanh.

Câu 63: Sản phẩm của phần mềm Inkscape có phần mở rộng là:

- A. png
- B. jpg
- C. svg
- D. bmp

Câu 64: Quá trình thiết kế các thông điệp truyền thông bằng hình ảnh; giải quyết vấn đề thông qua sự kết hợp hình ảnh, kiểu chữ với ý tưởng để truyền tải thông tin đến người xem gọi là?

- A. Thiết kế ảnh. B. Thiết kế quảng cáo. C. Thiết kế ý tưởng. D. Thiết kế đồ họa.

Câu 65: Có mấy loại đồ họa cơ bản?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 66: Trong đồ họa điểm ảnh, hình ảnh được tạo thành từ các:

- A. Chấm ảnh. B. Khung ảnh. C. Điểm ảnh. D. Màu ảnh.

Câu 67: Trong đồ họa vector, hình ảnh được xác định theo:

- A. Đường nét. B. Đường thẳng. C. Chấm ảnh. D. Điểm ảnh.

Câu 68: Phần mềm nào **KHÔNG** là phần mềm đồ họa?

- A. Adobe Photoshop. B. GIMP. C. Inkscape. D. Word.

Câu 69: Thanh công cụ nào được sử dụng nhiều nhất trong Inkscape?

- A. Bảng màu. B. Thanh thiết lập chế độ kết dính. C. Thanh điều khiển thuộc tính. D. Hộp công cụ.

Câu 70: Mỗi hình vẽ bao gồm các:

- A. Đối tượng đồ họa. B. Hình đồ họa. C. Điểm đồ họa. D. Không bao gồm gì.

Câu 71: Đâu **KHÔNG** là đặc điểm của đồ họa **điểm ảnh**?

- A. Định nghĩa bằng tập điểm. B. Phù hợp tạo logo, minh họa và bản vẽ kỹ thuật, ...
C. Phóng to có ảnh hưởng chất lượng hình. D. Ảnh lớn, độ chi tiết tương ứng kích thước tệp lớn.

Câu 72: Inkscape là phần mềm:

- A. Miễn phí để tạo, chỉnh sửa sản phẩm đồ họa vector. B. Chỉnh sửa văn bản.
C. Chỉnh sửa video. D. Đọc hại.

Câu 73: Có thể tạo tệp mới trong Inkscape bằng cách nào?

- A. Lệnh File/New. B. Tổ hợp phím Ctrl + S. C. Lệnh File/Open. D. Tổ hợp phím Ctrl + D.

Câu 74: Có thể lưu tệp trong Inkscape bằng cách nào?

- A. Lệnh File/New. B. Tổ hợp phím Ctrl + S. C. Lệnh File/Open. D. Tổ hợp phím Ctrl + D.

Câu 75: Cần thiết kế một bộ các sản phẩm bút, sổ, danh thiếp, bì thư, túi giấy. Theo em nên dùng phần mềm nào?

- A. Paint. B. Inkscape. C. AutoCad D. Word.

Câu 76: Có mấy loại phần mềm đồ họa:

- A. Phần mềm tạo, chỉnh sửa hình vector và phần mềm xử lý ảnh bitmap.
B. Phần mềm chụp ảnh, chỉnh sửa hình vector và phần mềm xử lý ảnh bitmap.
C. Phần mềm chụp ảnh, và vẽ vector và phần mềm xử lý ảnh bitmap.
D. Phần mềm chụp ảnh, chỉnh sửa hình vector và phần mềm xử lý logo.

Câu 77: Để thay một ngôi sao thành một khối lập phương (★ thành ◻). Em sẽ tìm công cụ ở thanh công cụ nào?

- A. Bảng màu B. Thanh điều khiển thuộc tính C. Hộp công cụ D. Hộp thoại lệnh

Câu 78: Để vẽ một bông hoa. Em sẽ tìm công cụ  ở thanh công cụ nào?

- A. Bảng màu B. Thanh điều khiển thuộc tính C. Hộp công cụ D. Hộp thoại lệnh

BÀI 13: BỔ SUNG CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỒ HỌA

Câu 79: Đối tượng hình đa giác hình sao đã được cung cấp sẵn trong **Inkscape**, thuộc tính **Rounded** có ý nghĩa gì?

- A. Độ cong tại các đỉnh của hình
B. Số đỉnh của đa giác hoặc số cạnh của hình sao
C. Tỷ lệ bán kính từ tâm đến góc trong và từ tâm tới đỉnh đầu của hình sao
D. Tham số làm méo hình ngẫu nhiên

Câu 80: Thuộc tính Spoke ratio có ở hình nào?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật. C. Hình elip. D. Hình sao.

Câu 81: Trong Inkscape, để tùy chỉnh màu tô và màu vẽ ta sử dụng?

- A. Hộp thoại Fill and Stroke B. Hộp thoại Fill C. Hộp thoại Stroke D. Không tùy chỉnh được

Câu 82: Phép hiệu đối xứng các đối tượng đồ họa cần dùng tổ hợp phím gì?

- A. Ctrl + + B. Ctrl + - C. Ctrl + ^ D. Ctrl + /

Câu 83: Phép giao các đối tượng đồ họa cần dùng tổ hợp phím gì?

- A. Ctrl + * B. Ctrl + - C. Ctrl + ^ D. Ctrl + /

Câu 84: Phép cắt cho phép thực hiện như thế nào đối với đối tượng?

- A. Cắt hình lớp dưới thành các phần bởi giao điểm giao ở viền hình lớp trên.
B. Cắt hình lớp trên thành các phần bởi giao điểm giao ở viền hình lớp dưới.
C. Cắt hình lớp dưới và hình lớp trên.
D. Không cắt hình.

Câu 85: Nút lệnh **KHÔNG** dùng để tùy chỉnh **Kiểu Tô** của màu tô trong Inkscape?



Câu 86: Định dạng cho đường tròn từ nét liền sang nét đứt như hình cần điều chỉnh trong bảng chọn nào?

- A. Fill B. Stroke paint C. Stroke style D. Opacity

Câu 87: Chức năng nào trong bản chọn Path dùng để chuyển hình thành hình .

- A. Union B. Difference C. Intersection D. Exclusion.

Câu 88: Trong Inkscape, tổ hợp phím dùng để thực hiện chuyển hình thành hình .

- A. Ctrl + + B. Ctrl + - C. Ctrl + * D. Ctrl + /

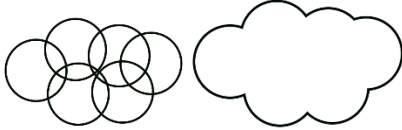
Câu 89: Chức năng nào trong bản chọn Path dùng để chuyển hình thành hình .

- A. Union B. Difference C. Intersection D. Exclusion

Câu 90: Để chỉnh thông số của gradient, em cần chọn biểu tượng nào?

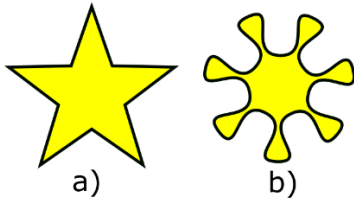
- A. B. C. D.

Câu 91: Chọn phép ghép hình phù hợp để ghép 6 hình tròn thành hình đám mây như hình bên dưới:



- A. Union B. Difference C. Intersection D. Exclusion.

Câu 92: Để vẽ từ hình vẽ a sang hình vẽ b (như hình bên dưới) chúng ta cần điều chỉnh các thông số trên **thanh điều chỉnh thuộc tính** như nào?



- A. Corners nhập 6 và tăng Rounded. B. Corners nhập 7 và tăng Rounded.
C. Corners nhập 6 và giảm Rounded. D. Corners nhập 7 và tăng Spoke ratio.

BÀI 14: LÀM VIỆC VỚI ĐỐI TƯỢNG ĐƯỜNG VÀ VĂN BẢN

Câu 93: Một cách mặc định, Inkscape hỗ trợ xuất tệp ảnh nào?

- A. png, mp3. B. png, jpg, mov. C. jpg, bmp, png. D. mp4, pdf.

Câu 94: Muốn bỏ các tùy chỉnh đã đặt, ta chọn đối tượng văn bản rồi dùng lệnh gì?

- A. Text/ Remove Manual Kerns. B. Text/ Remove.
C. File/ Remove Manual Kerns. D. Text/ Remove Manual.

Câu 95: Muốn đặt văn bản theo đường đã có, ta dùng lệnh gì?

- A. File/ Put on Path. B. Text/ Put the Path. C. Text/ Put in Path. D. Text/ Put on Path.

Câu 96: Muốn bỏ đặt văn bản theo đường, ta dùng lệnh gì?

- A. Text/ Remove on Path. B. File/ Remove from Path.
C. Text/ Remove from Path. D. File/ Remove on Path.

Câu 97: Điểm neo tron được thể hiện bằng hình gì?

- A. Hình tam giác. B. Hình vuông, hình tròn. C. Hình thoi. D. Hình bình hành.

Câu 98: Điểm neo góc được thể hiện bằng hình gì?

- A. Hình tam giác. B. Hình vuông, hình tròn. C. Hình thoi. D. Hình bình hành.

Câu 99: Phím tắt để hiển thị bảng điều khiển Align and Distribute trong Inkscape là:

- A. Ctrl + Shift + F. B. Ctrl + Shift + D. C. Ctrl + Shift + A. D. Ctrl + Shift + V.

Câu 100: Trong Inkscape ta có thể tinh chỉnh đối tượng đường dựa vào:

- A. Điểm neo. B. Điểm chỉ hướng.
C. Đường chỉ hướng. D. Điểm neo, điểm chỉ hướng, đường chỉ hướng.

Câu 101: Chọn phát biểu **ĐÚNG** trong các phát biểu sau:

- A. Hình khối là đối tượng được định nghĩa sẵn trong Inkscape và xác định bởi các tính chất toán học chặt chẽ.
B. Khi điều chỉnh hình khối ta thu được hình mới với đặc trưng thay đổi.
C. Không thể điều chỉnh các đối tượng tự do dạng đường.
D. Các đối tượng tự do không thể chỉnh thành hình dạng khác.

Câu 102: Chọn từ còn thiếu trong câu sau: Ta có thể tinh chỉnh đối tượng đường dựa vào ... và các điểm, đường chỉ hướng.

- A. Điểm neo. B. Điểm chỉ hướng. C. Đường. D. Đường neo.

Câu 103: Có 4 đối tượng trên vùng làm việc, làm thế nào để các đối tượng cách đều nhau?

- A. Chọn lần lượt từng đối tượng và di chuyển để các đối tượng cách đều.
B. Chọn cả 4 đối tượng, rồi chọn lệnh Align trong bảng Align and Distribute.
C. Chọn cả 4 đối tượng, rồi chọn lệnh Distribute trong bảng Align and Distribute.
D. Chọn cả 3 đối tượng còn lại, rồi chọn lệnh Align trong bảng Align and Distribute.

Câu 104: Để bổ sung đối tượng văn bản, ta sẽ chọn công cụ nào trong hộp công cụ?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 105: Hãy sắp xếp **ĐÚNG** thứ tự các bước chỉnh sửa điểm neo:

(1) Nháy chuột vào hình muốn chỉnh sửa.

(2) Chọn công cụ  trên hộp công cụ.

(3) Nháy chuột vào điểm neo cần sửa, chọn điểm neo hoặc điểm chỉ hướng rồi kéo chuột sang vị trí mới.

- A. 3-2-1 B. 2-1-3 C. 1-3-2 D. 2-3-1

Câu 106: Hãy sắp xếp **ĐÚNG** thứ tự các bước vẽ đối tượng đường:

(1) Nháy chuột để đặt các điểm neo trên hình vẽ.

(2) Chọn kiểu  trên thanh điều khiển thuộc tính để tạo đường cong.

(3) Chọn công cụ Pen  trên hộp công cụ.

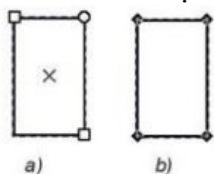
(4) Kết thúc bằng cách nhấn phím Enter hoặc nháy đúp chuột tại vị trí neo cuối cùng.

- A. 4-3-2-1 B. 3-2-1-4 C. 2-1-3-4 D. 3-1-2-4

Câu 107: Hãy cho biết phát biểu nào sau đây là **SAI** khi làm việc với đoạn văn bản trong Inkscape:

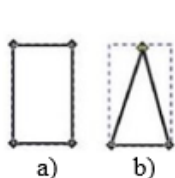
- A. Trong một đoạn văn có nhiều chữ ta có thể tô mỗi chữ bằng một màu khác nhau
B. Nếu đặt đoạn văn uốn lượn theo một đường, ta không thể thay đổi định dạng đó.
C. Trong một đoạn văn có nhiều chữ, ta có thể tùy chỉnh để mỗi chữ cao thấp khác nhau.
D. Ta có thể đặt đoạn văn bản theo một khuôn dạng nhất định.

Câu 108: Để chuyển từ hình vẽ chữ nhật sang đối tượng dạng đường như hình, ta nhấn chọn hình vẽ cần chuyển và chọn lệnh:



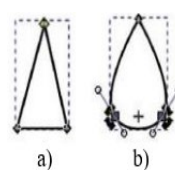
- A. Path/Object to Path. B. Text/Object to Path. C. Object/ Object to Path. D. Text/Put on Path.

Câu 109: Để chuyển từ hình a) sang hình b) như hình, ta thực hiện:



- A. Chọn một điểm neo bất kỳ trên hình a) và nhấn vào biểu tượng .
B. Chọn hai điểm neo cạnh trên của hình a) và nhấn vào biểu tượng .
C. Chọn một điểm neo bất kỳ trên hình a) và nhấn vào biểu tượng .
D. Chọn hai điểm neo cạnh trên của hình a) và nhấn vào biểu tượng .

Câu 110: Để chuyển từ hình a) sang hình b) như hình, ta thực hiện:



- A. Chọn một điểm neo bất kỳ trên hình a) và nhấn vào biểu tượng .
B. Chọn hai điểm neo cạnh dưới của hình a) và nhấn vào biểu tượng .
C. Chọn hai điểm neo bất kỳ trên hình a) và nhấn vào biểu tượng .
D. Chọn hai điểm neo cạnh dưới của hình a) và nhấn vào biểu tượng .

Bài 15: HOÀN THIỆN HÌNH ẢNH ĐỒ HỌA

Câu 111: Tổ hợp phím tắt để tạo ra một bản sao của một đối tượng đang được chọn là:

- A. Ctrl + A. B. Ctrl + D. C. Shift + D. D. Shift + F.

Câu 112: Khẳng định nào sau đây là **SAI**?

- A. Tất cả mọi đối tượng đều có các thuộc tính cơ bản giống nhau.
B. Mỗi hình khối được đặc trưng bởi các thuộc tính khác nhau.
C. Có thể thay đổi giá trị các thuộc tính của đối tượng.
D. Trong các đối tượng đã được định nghĩa sẵn, mỗi thuộc tính đều có ý nghĩa riêng.

Câu 113: Để xuất sản phẩm hoàn thiện ra định dạng đồ họa điểm ảnh, ta chọn:

- A. File/Save B. File/Export PNG Image C. File/Export Image D. File/New

Câu 114: Theo mặc định Inkcape hỗ trợ xuất tệp có phần mở rộng là:

- A. png B. jpg C. bmp D. jpeg

Câu 115: Để thay đổi chất lượng ảnh cần thay đổi giá trị trong mục nào sau đây?

- A. Width B. Height C. Image size D. Filename

Câu 116: Mục Filename dùng để:

- A. Vùng xuất ảnh. B. Kích thước và độ phân giải của ảnh.
C. Tên tệp và đường dẫn tới tệp. D. Thay đổi kích thước tệp.

Câu 117: Để nhóm các đối tượng hình tam giác như hình bên dưới, ta thực hiện chọn tất cả các hình cần nhóm và chuột phải chọn:



- A. Group B. Ungroup C. Copy D. Duplicate

Câu 118: Để bỏ nhóm các đối tượng, ta thực hiện chọn hình cần bỏ nhóm và chuột phải chọn:

- A. Group B. Ungroup C. Copy D. Duplicate

Câu 119: Để vẽ đoạn nét đứt nằm giữa thời gian và địa điểm như hình bên dưới, cần mở hộp thoại nào?



- A. Fill and stroke/Fill B. Fill and stroke/Stroke paint C. Find and Replace D. Stroke paint

Câu 120: Để vẽ bóng hội thoại từ hình a) sang hình b) như hình bên dưới, ta chọn hình tròn và tam giác rồi thực hiện:



a)

b)

- A. Nhấn tổ hợp Ctrl + - B. Text/Union C. Path/Union D. Text/Intersection

---HẾT---